

Số: 1571/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn Thành phố Long Khánh



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Long Khánh tại Tờ trình số 555/TTr-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 134/TTr-LĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Long Khánh gồm 776 đối tượng và tổng kinh phí hỗ trợ là 582.000.000 đồng (năm trăm tám mươi hai triệu đồng chẵn); cụ thể như sau:

1. Đối tượng thuộc hộ nghèo: 142 người, kinh phí hỗ trợ là 106.500.000 đồng.

2. Đối tượng thuộc hộ cận nghèo: 634 người, kinh phí hỗ trợ là 475.500.000 đồng.

3. Kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách thành phố Long Khánh (50% dự phòng ngân sách thành phố năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách thành phố).

(Danh sách kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Long Khánh chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Long Khánh và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp

DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO

HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15.74/QĐ-UBND ngày 18. /5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mẫu 1

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4 = 2 x 3</i>	<i>5</i>
	1. PHƯỜNG XUÂN AN	7	4	3.000.000	3.000.000	
1	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Lộc	2	-	-	-	KP4, P Xuân An
2	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Hương	2	1	750.000	750.000	KP4, P Xuân An
3	- Chủ hộ: Đinh Ngọc Hân	3	3	750.000	2.250.000	KP3, P Xuân An
	Cao Thị Chi			750.000		
	Đinh Ngọc Tuấn			750.000		
	2. PHƯỜNG BẦU SEN	11	3	2.250.000	2.250.000	
1	- Chủ hộ: Lê Thị Lại	1	1	750.000	750.000	Tổ 17, KP Núi Đỏ
2	- Chủ hộ: Hồ Thị Diệu Hà	4	1	750.000	750.000	Tổ 4, KP Núi Đỏ
3	- Chủ hộ: Lê Thị Kim Huệ	2	1	-	750.000	Tổ 1, KP Bầu Sen
	Nguyễn Dương Thành			750.000		
4	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Sang	1	-		-	Tổ 11, KP. Núi Đỏ

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
5	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Ngại	1	-		-	Tổ 2, KP.Núi Đò
6	- Chủ hộ: Lý Qué Trăn	2	-		-	Tổ 3, KP.Tân Thủy
	3. PHƯỜNG PHÚ BÌNH	8	7	5.250.000	5.250.000	
1	Chủ hộ: Lý Dương	8	7	750.000	5.250.000	Tổ 2, KP2, Phường Phú Bình
	Thị Hoa			750.000		
	Lý Nhân Long			750.000		
	Lý Chí Thiên			750.000		
	Lý Ngọc Châu			750.000		
	Lý Ngọc Phương Linh			750.000		
	Lý Gia Mỹ			750.000		
	4. PHƯỜNG XUÂN LẬP	37	21	15.750.000	15.750.000	
1	Chủ hộ: Tống Huy Sơn	9	9	750.000	6.750.000	Tổ 16, khu phố Trung Tâm
	Mã Kiến Phương			750.000		
	Tống Huy Bảo			750.000		
	Tống Các Chiêu Quân			750.000		
	Tống Hy Bằng			750.000		
	Tống Các Tường Vy			750.000		

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
4	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Tổng Các Mỹ Linh			750.000		
	Tổng Huy Hoàng			750.000		
	Tổng Minh Huy			750.000		
2	Chủ hộ: Nguyễn Thị Hợi	1	1	750.000	750.000	Tổ 4, khu phố Trung Tâm
3	Chủ hộ: Đồng Thị Nữ	4	2	750.000	1.500.000	Tổ 7, khu phố Trung Tâm
	Đồng Văn Hải			750.000		
4	Chủ hộ: Huỳnh Văn Mai	3	1	-	750.000	Tổ 5, khu phố Phú Mỹ
	Huỳnh Minh Tuấn			750.000		
5	Chủ hộ: Nguyễn Thanh Hiền	3	2	-	1.500.000	
	Mạc Linh Linh			750.000		Tổ 5, khu phố Trung Tâm
	Mạc Mỹ Linh			750.000		
6	Chủ hộ: Nguyễn Thị Lê	2	1	-	750.000	
	Trần Thị Nguyệt			750.000		Tổ 6, khu phố Trung Tâm
7	Chủ hộ: Nguyễn Thị Mai	4	2	750.000	1.500.000	
	Đặng Phước Tài			750.000		Tổ 10, khu phố Trung Tâm
8	Chủ hộ: Nguyễn Thị Minh Thơm	3	3	750.000	2.250.000	
	Bùi Kim Ngân			750.000		Tổ 14, khu phố Trung Tâm

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Bùi Hoàng Tú			750.000		
9	Chủ hộ: Đặng Thị Xuân Lan	1	0		-	
10	Chủ hộ: Văn Thị Quý	1	0		-	
11	Chủ hộ: Hoàng Thị Phương	1	0		-	
12	Chủ hộ: Võ Thị Liên	2	0		-	
13	Chủ hộ: Phạm Văn Tiến	2	0		-	
14	Chủ hộ: Võ Thị Ngà	1	0		-	
	5. PHUỜNG XUÂN THANH	5	2	1.500.000	1.500.000	
1	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Chính	1			-	
2	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Nhiệm	1			-	
3	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Thúy Dung	3	2		1.500.000	Tổ 11, Kp4, phường Xuân Thanh
	Lê Nguyễn Tường Vi			750.000		
	Lê Nguyễn Chí Nam			750.000		
	6. PHUỜNG XUÂN TRUNG	5	-	-	-	
1	Chủ hộ: Lê Thu Hòa	2	-		-	Khu phố 4
2	Chủ hộ: Trần Văn Hòa	1	-		-	Khu phố 1
3	Chủ hộ: Trương Minh Nhờ	1	-		-	Khu phố 5

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
A	B	1	2	3	$4 = 2 \times 3$	5
4	Chủ hộ: Tống Thị Anh	1	-	-	-	Khu phố 5
	7. PHƯỜNG XUÂN HÒA	38	22	16.500.000	16.500.000	
1	Chủ hộ: Nguyễn Thị Bằng	2	-		-	Tổ 12, khu phố 2
2	Chủ hộ: Đặng Thị Châu	1	-		-	Tổ 12, khu phố 2
3	Chủ hộ: Nguyễn Hoàng Vũ	2	1	-	750.000	Tổ 6 - khu phố 2
	Nguyễn Thị Lúa			750.000	-	Tổ 6 - khu phố 2
4	Chủ hộ: Nguyễn Thị Liễu	1	-		-	Tổ 3 - khu phố 4
5	Chủ hộ: Vũ Tiến Cương	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 12, khu phố 2
	Nguyễn Thị Lươn			750.000	-	Tổ 12, khu phố 2
	Nguyễn Thị Bé			750.000	-	Tổ 12, khu phố 2
6	Chủ hộ: Nguyễn Thị Tuyết	1	-	-	-	Tổ 9 - khu phố 3
7	Chủ hộ: Lý Cẩm Tú	4	1		750.000	Tổ 10 - khu phố 3
	Phan Thị Sơn			750.000		Tổ 10 - khu phố 3
8	Chủ hộ: Lê Hoàng Bảo	1	-	-	-	Tổ 3 - khu phố 4
9	Chủ hộ: Nguyễn Oai Hùng	3	2		1.500.000	Tổ 4 - khu phố 2
	Mai Thị Thu Hiền			750.000	-	Tổ 4 - khu phố 2
	Nguyễn Đức Trung			750.000	-	Tổ 4 - khu phố 2

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
10	Chủ hộ: Võ Thị Loan	5	4	750.000	3.000.000	Tổ 2 - khu phố 2
	Mai Thị Thu Trúc			750.000		Tổ 2 - khu phố 2
	Mai Thị Thu Giang			750.000		Tổ 2 - khu phố 2
	Mai Thị Anh Thư			750.000		Tổ 2 - khu phố 2
11	Chủ hộ: Phạm Thị Sợi	9	5	-	3.750.000	Tổ 12, khu phố 2
	Nguyễn Thị Hè			750.000	-	Tổ 12, khu phố 2
	Nguyễn Thị Sen			750.000	-	Tổ 12, khu phố 2
	Trịnh Thùy Anh			750.000	-	Tổ 12, khu phố 2
	Trịnh Văn Hòa			750.000	-	Tổ 12, khu phố 2
	Trịnh Minh Quân			750.000	-	Tổ 12, khu phố 2
12	Chủ hộ: Nguyễn Viên	6	6	750.000	4.500.000	Tổ 4 - khu phố 4
	Từ Thị Lệ			750.000		Tổ 4 - khu phố 4
	Nguyễn Thị Hà			750.000		Tổ 4 - khu phố 4
	Nguyễn Văn Hiếu			750.000		Tổ 4 - khu phố 4
	Hồ Phúc Vinh			750.000		Tổ 4 - khu phố 4
	Hồ Phúc An			750.000		Tổ 4 - khu phố 4
	8. PHƯỜNG XUÂN BÌNH	7	2	1.500.000	1.500.000	

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
1	- Chủ hộ: Mai Thị Hạnh	2	-	-	-	Tổ 17, khu phố 2
2	- Chủ hộ: Nguyễn Đăng Liên	5	2		1.500.000	Tổ 4, khu phố 4
	Nguyễn Thị Ngọc Tâm			750.000		
	Nguyễn Đăng Minh			750.000		
	9. PHƯỜNG XUÂN TÂN	4	3	2.250.000	2.250.000	
1	Chủ hộ: Nguyễn Thị Nang	1	1	750.000	750.000	Khu phố Tân Phong
2	Chủ hộ: Trần Thị Mười	3	2		1.500.000	Khu phố Tân Phong
	Sỹ Thị Ngọc Linh			750.000		
	Sỹ Thanh Tuấn Anh			750.000		
	10. PHƯỜNG SÚI TRE	14	8	6.000.000	6.000.000	
1	Chủ hộ: Nguyễn Thị Bình	4	2		1.500.000	
	Nguyễn Trúc Linh			750.000		
	Nguyễn Trúc Lam			750.000		KP Dương Dương
2	Chủ hộ: Trần Thị Liễu	1	0	-	-	KP Núi Tung
3	Chủ hộ: Hồ Thị Sương	3	2		1.500.000	
	Hồ Thị Thanh Hiền			750.000		
	Hồ Thanh Hậu			750.000		KP Núi Tung

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
4	Chủ hộ: Đặng Ánh Tuyết	4	2	750.000	1.500.000	KP Suối Tre
	Dương Tuyết Như			750.000		
5	Chủ hộ: Lộ Trung	2	2	750.000	1.500.000	KP Suối Tre
	Thị Hàn			750.000		
	11. PHƯỜNG BẢO VINH	26	12	9.000.000	9.000.000	
1	Chủ hộ: Nguyễn Hữu Vân	3	0	-	-	Tổ 10 Bảo Vinh B
2	Chủ hộ: Đặng Văn Quyền	1	0	-	-	Tổ 14 Bảo Vinh B
3	Chủ hộ: Trần Thị Cúc	2	1	-	750.000	Tổ 27 Bảo Vinh B
	Trần Văn Hòa			750.000		Tổ 27 Bảo Vinh B
4	Chủ hộ: Lai Thị Mỹ Hương	1	0	-	-	Tổ 6 Ruộng Hời
5	Chủ hộ: Thị Mạc	3	0	-	-	Tổ 6 Ruộng Hời
6	Chủ hộ: Nguyễn Thị Anh	2	1	750.000	750.000	Tổ 21 Ruộng Hời
7	Chủ hộ: Võ Thị Muôn	1	0	-		Tổ 17 Ruộng Lớn
8	Chủ hộ: Đào Thị Ghi	3	1	750.000	750.000	Tổ 18 Ruộng Lớn
9	Chủ hộ: Ngô Thị Kiều	1	1	750.000	750.000	Tổ 22 Ruộng Lớn
10	Chủ hộ: Thị Bảy	1	1	750.000	750.000	Tổ 23 Ruộng Lớn
11	Chủ hộ: Lê Thị Chín	1	1	750.000	750.000	Tổ 23 Ruộng Lớn

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
4	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
12	Chủ hộ: Trần Thị Thanh	4	3	750.000	2.250.000	Tổ 7 Bảo Vinh A
	Phan Tấn Bình			750.000		Tổ 7 Bảo Vinh A
	Phan Nhật Tân			750.000		Tổ 7 Bảo Vinh A
13	Chủ hộ: Võ Văn Thắm	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 23 Ruộng Lớn
	Đỗ Thị Gấm			750.000		Tổ 23 Ruộng Lớn
	Võ Thùy Dương			750.000		Tổ 23 Ruộng Lớn
	12. XÃ HÀNG GÒN	19	7	5.250.000	5.250.000	
1	Chủ hộ: Nguyễn Lương	1	0	0	0	ấp Hàng Gòn
2	Chủ hộ: Nguyễn Văn Răng	1	0	0	0	ấp Hàng Gòn
3	Chủ hộ: Trần Văn Thúy	3	1	0	750.000	ấp Hàng Gòn
	Trần Thị Ngọc Diệp			750.000		
4	- Chủ hộ: Đặng Thị Hai	4	3	750.000	2.250.000	ấp Hàng Gòn
	Nguyễn Trí Thức			750.000		
	Nguyễn Thành Trung			750.000		
5	Chủ hộ: Thái Thị Nhàn	1	0	0	0	ấp Hàng Gòn
6	Chủ hộ: Nguyễn Đức Ty	1	0	0	0	ấp Hàng Gòn
7	- Chủ hộ: Bùi Thị Mỹ Nhân	2	0	0	0	ấp Hàng Gòn

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
8	Chủ hộ: Phạm Thị Tư	1	0	0	0	ấp tân Phong
9	- Chủ hộ: Lương Húy	2	1	750.000	750.000	ấp Đồi Riu,
10	- Chủ hộ: Đỗ Thị Thúy	3	2	750.000	1.500.000	ấp Đồi Riu
	Trần Trọng Thanh Bình			750.000		
	13. XÃ BẢO QUANG	35	26	19.500.000	19.500.000	
1	- Chủ hộ: Nhạc Thị Phần	1	-		-	Ấp 18 Gia Đình, Xã Bảo Quang
2	- Chủ hộ: Nguyễn Văn Thanh	1	-		-	Ấp 18 Gia Đình, Xã Bảo Quang
3	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Hường	1	1	750.000	750.000	Ấp 18 Gia Đình, Xã Bảo Quang
4	- Chủ hộ: Trương Ngọc Phi	1	-		-	Ấp 18 Gia Đình, Xã Bảo Quang
5	- Chủ hộ: Nguyễn Văn Thành	1	-		-	Ấp 18 Gia Đình, Xã Bảo Quang
6	- Chủ hộ: Lê Thị Béo	1	1	750.000	750.000	Ấp 18 Gia Đình, Xã Bảo Quang
7	- Chủ hộ: Hoàng Văn Thành	4	4	750.000	3.000.000	
	Trần Thị Hạnh			750.000		
	Thỏ Thị Na			750.000		
	Hoàng Anh Huy			750.000		
8	- Chủ hộ: Chè Sủi Cú	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 18 Gia Đình, Xã Bảo Quang
	Nguyễn Văn Hà			750.000		

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
4	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
9	- Chủ hộ: Huỳnh Thị Sa	1	1	750.000	750.000	Ấp Ruộng Tre, xã Bảo Quang
10	- Chủ hộ: Võ Thị Thanh Bình	1	0		-	Ruộng Tre, Xã Bảo Quang
11	- Chủ hộ: Lý Văn Phương	1	1	750.000	750.000	Ruộng Tre, Xã Bảo Quang
12	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Hòa	1	0		-	Ruộng Tre, Xã Bảo Quang
13	- Chủ hộ: Lý Tiến Dũng	4	4	750.000	3.000.000	Ấp Ruộng Tre, xã Bảo Quang
	Nguyễn Thị Phụng			750.000		
	Lý Thị Cẩm Nhung			750.000		
	Lý Thị Cẩm Tiên			750.000		
14	- Chủ hộ: Đồng Thị Kim Vân	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Bầu Cối, Xã Bảo Quang
	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo			750.000		
	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền			750.000		
15	- Chủ hộ: Bùi Văn Đê	3	2	750.000	1.500.000	Ấp Bầu Cối, Xã Bảo Quang
	Trương Xuân Thơ			750.000		Ấp Bầu Cối, Xã Bảo Quang
16	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Kim Anh	1	1	750.000	750.000	Ấp Lác Chiếu, Xã Bảo Quang
17	- Chủ hộ: Thị Dữ	1	1	750.000	750.000	Ấp Lác Chiếu, Xã Bảo Quang
18	- Chủ hộ: Lê Thị Phương	1	1	750.000	750.000	Ấp Lác Chiếu, Xã Bảo Quang
19	- Chủ hộ: Trần Thị Hồng	4	4	750.000	3.000.000	

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Nguyễn Hoàng Nghĩa			750.000		Áp Lác Chiểu, Xã Bảo Quang
	Nguyễn Thị Hồng Diễm			750.000		
	Nguyễn Quốc Huy			750.000		
20	- Chủ hộ: Nguyễn Văn Bê	1	0		-	Áp Lác Chiểu, Xã Bảo Quang
21	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Thoa	1	0		-	Áp Lác Chiểu, Xã Bảo Quang
	14. XÃ BÀU TRÂM	31	25	18.750.000	18.750.000	
1	Chủ hộ: Trần Thị Trọng	1	1	750.000	750.000	Tổ 3 Bàu Trâm
2	Chủ hộ: Phạm Mai Hương	1	1	750.000	750.000	Tổ 5 Bàu Trâm
3	Chủ hộ: Võ Văn Hội	4	2	750.000	1.500.000	Tổ 12 Bàu Trâm
	Trần Thị Mừng			750.000		
4	Chủ hộ: Thị Tiểu	1	1	750.000	750.000	Tổ 14 Bàu Trâm
5	Chủ hộ: Phan Đình Vũ	1	1	750.000	750.000	Tổ 4 Bàu Trâm
6	Chủ hộ: Lê Thị Mỹ Lan	2	1		750.000	Tổ 5 Bàu Sấm
	Phan Văn Đỉnh			750.000		
7	Chủ hộ: Trần Thị Lê	1	1	750.000	750.000	Tổ 8 Bàu Sấm
8	Chủ hộ: Phan Thị Tư	1	1	750.000	750.000	Tổ 12 Bàu Sấm
9	Chủ hộ: Thị Phát	3	3	750.000	2.250.000	

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Thổ Trường			750.000		Tổ 12 Bàu Trâm
	Thị Đào			750.000		
10	Chủ hộ: Thị Lan	3	3		2.250.000	
	Thị Mỹ Nhi			750.000		
	Thị Như Ý			750.000		Tổ 13 Bàu Trâm
	Thổ Thị Linh Chùi			750.000		
11	Chủ hộ: Lương Viết Khang	5	5	750.000	3.750.000	
	Phạm Thị Kim Hoi			750.000		
	Lương Phạm Bảo Hân			750.000		Tổ 7 Bàu Trâm
	Lương Phạm Bảo Phúc			750.000		
	Lương Phạm Bảo Đức			750.000		
12	Chủ hộ: Nguyễn Thị Hạnh	3	1	750.000	750.000	Tổ 6 Bàu Trâm
13	Chủ hộ: Nguyễn Thái Sơn	5	4		3.000.000	
	Nguyễn Thị Ngọc Khánh			750.000		
	Nguyễn Thái Hoàng Khải			750.000		Tổ 8 Bàu Sấm
	Nguyễn Thị Kim Khuyên			750.000		
	Nguyễn Thái Anh Khuyên			750.000		

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Ghi rõ Địa chỉ)
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	15. XÃ BÌNH LỘC	1	-	-	-	
1	Chủ hộ: Võ Thị Thai	1	-	-	-	Ấp 1, Xã Bình Lộc
	Tổng cộng	248	142	106.500.000	106.500.000	

Ghi chú: Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện/tỉnh và phải xác định rõ hộ và tên của chủ hộ, các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ nghèo.


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa hiệp

DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ CẬN NGHÈO

HƯỜNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 18/15/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mẫu 2

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	1. PHƯỜNG XUÂN AN	12	12	9.000.000	9.000.000	
1	- Chủ hộ: Phan Thị Norm	3	3	750.000	2.250.000	
	Mai Phan Thanh Phương			750.000		Kp4, Phường Xuân An
	Mai Thị Kim Phụng			750.000		
2	- Chủ hộ: Cao Thị Hồng	4	4	750.000	3.000.000	
	Lê Thị Kim Thoa			750.000		Kp4, Phường Xuân An
	Lê Thị Kim Thảo			750.000		
	Lê Cao Thắng			750.000		
3	- Chủ hộ: Cao Văn Đông	5	5	750.000	3.750.000	
	Nguyễn Thị Thùy Linh			750.000		
	Cao Thị Thanh Nga			750.000		Kp6, Phường Xuân An
	Cao Văn Tuấn			750.000		
	Cao Văn Vũ			750.000		
	2. PHƯỜNG BẦU SEN	44	32	24.000.000	24.000.000	
1	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Hồng Oanh	3	3	750.000	2.250.000	

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Nguyễn Thị Nhã Phương			750.000		Tổ 16, KP.Núi Đò
	Nguyễn Xuân Trí			750.000		
2	- Chủ hộ: Trần Lâm	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 4, KP.Núi Đò
	Nguyễn Thị Kim Tuyền			750.000		
	Trần Yến Nhi			750.000		
	Trần Yến My			750.000		
3	- Chủ hộ: Nguyễn Văn Tự	4	2		1.500.000	Tổ 6, KP.Núi Đò
	Nguyễn Thị Ngọc Thủy			750.000		
	Trần Tuấn Đạt			750.000		
4	- Chủ hộ: Nguyễn Văn Tấn	3	2		1.500.000	Tổ 14, KP.Núi Đò
	Lê Thị Thiệt			750.000		
	Nguyễn Thanh Long			750.000		
5	- Chủ hộ: Lê Bá Sung	3	2		1.500.000	Tổ 16, KP.Núi Đò
	Lê Thị Hiền			750.000		
	Lê Minh Hậu			750.000		
6	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Liên	2	1		750.000	Tổ 16, KP.Núi Đò
	Nguyễn Văn Tuấn			750.000		
7	- Chủ hộ: Đỗ Hữu Quang	1	1	750.000	750.000	Tổ 3, KP.Bàu Sen
8	- Chủ hộ: Phan Tấn Đạt	1	1	750.000	750.000	Tổ 2, KP.Bàu Sen
9	- Chủ hộ: Sàn Và Khường	4	3		2.250.000	Tổ 3, KP.Tân Thủy
	Lý Thị Bảy			750.000		
	Sàn Anh Toàn			750.000		

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Sàn Phương Anh			750.000		
10	- Chủ hộ: Chí A Dương	3	3	750.000	2.250.000	
	Chí Vinh Xuân			750.000		
	Chí Vinh Hiền			750.000		
11	- Chủ hộ: Lý Nịp Công	10	7		5.250.000	
	Tăng Bát Mùi			750.000		
	Trác Thị Hoàn			750.000		
	Vương Ngọc Lan			750.000		
	Lý Hưng Cường			750.000		
	Lý Hưng Hữu			750.000		
	Lý Tú Quỳnh			750.000		
	Lý Tú Thanh			750.000		
12	- Chủ hộ: Bùi Văn Tịch	4	2	750.000	1.500.000	
	Nguyễn Thị Phương			750.000		
13	- Chủ hộ: Trần Thị Kha	2	1		750.000	
	Nguyễn Ngọc Thoại			750.000		
	3. PHƯỜNG PHÚ BÌNH	61	61	45.750.000	45.750.000	
1	Chủ hộ: Bùi Văn Dũng	4	4	750.000	3.000.000	
	Trần Thị Thanh Thúy			750.000		
	Bùi Duy Nhật			750.000		
	Bùi Trường Nhật			750.000		
2	Chủ hộ: Huỳnh Thị Hoa	4	4	750.000	3.000.000	

Tổ 5, KP1, Phường Phú Bình

Tổ 7, KP. Bàu Sen

Tổ 6, KP. Núi Đò

Tổ 1, KP. Tân Thủy

Tổ 1, KP. Tân Thủy

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Đặng Thị Hà			750.000		Tổ 2, KP2, Phường Phú Bình
	Đặng Thị Phương Mỹ			750.000		
	Đặng Thị Nhà Trân			750.000		
3	Chủ hộ: Võ Minh Tuấn	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 6, KP1, Phường Phú Bình
	Võ Thị Tường Vi			750.000		
	Võ Minh Vũ			750.000		
	Võ Thế Phong			750.000		Tổ 6, KP1, Phường Phú Bình
4	Mai Văn Ngọc	4	4	750.000	3.000.000	
	Vũ Thị Lua			750.000		
	Mai Vũ Ngọc Trân			750.000		Tổ 1, KP1, Phường Phú Bình
	Mai Vũ Văn Trọng			750.000		
5	Chủ hộ: Nguyễn Văn Quân	8	8	750.000	6.000.000	
	Lý Chí Đường			750.000		Tổ 8, KP1, Phường Phú Bình
	Nguyễn Lý Kỳ Nhân			750.000		
	Nguyễn Văn Quang			750.000		
	Trần Thị Thu Vân			750.000		
	Nguyễn Thị Bảo Trân			750.000		
	Nguyễn Hoài An			750.000		Tổ 8, KP1, Phường Phú Bình
	Nguyễn Hoàng Khang			750.000		
6	Chủ hộ: Nguyễn Thị Kim Phụng	4	4	750.000	3.000.000	
	Lê Xuân Nhân			750.000		Tổ 8, KP1, Phường Phú Bình
	Lê Nguyễn Hà Vỹ Như			750.000		

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
4	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Lê Nguyễn Trúc Nhi			750.000		
7	Chủ hộ: Chênh Cẩm Mùi	6	6	750.000	4.500.000	
	Liêng Bạc Khin			750.000		
	Liêng Ký Du			750.000		
	Liêng Ký Tùng			750.000		
	Liêng Ký Hữu			750.000		
	Liêng Ký Lồ			750.000		
8	Chủ hộ: Đoàn Minh Phúc	3	3	750.000	2.250.000	
	Lê Đoàn Minh Văn			750.000		
	Lê Quốc Thịnh			750.000		
9	Chủ hộ: Nguyễn Thị Châu	2	2	750.000	1.500.000	
	Tương Văn Dũng			750.000		
10	Chủ hộ: Nguyễn Thị Hiền	7	7	750.000	5.250.000	
	Huỳnh Thanh Trí			750.000		
	Huỳnh Nguyễn Thanh Thư			750.000		
	Huỳnh Thanh Tuấn			750.000		
	Phùng Gia Hân			750.000		
	Phùng Gia An			750.000		
	Phùng Gia Khang			750.000		
11	Chủ hộ: Lê Thị Thu	7	7	750.000	5.250.000	
	Nguyễn Duy Trà			750.000		
	Nguyễn Thị Kaly			750.000		

Tổ 14, KP2, Phường Phú Bình

Tổ 2, KP2, Phường Phú Bình

Tổ 2, KP2, Phường Phú Bình

Tổ 2, KP2, Phường Phú Bình

Tổ 2, KP1, Phường Phú Bình

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Nguyễn Thanh Hoài			750.000		
	Nguyễn Lê Đức Tài			750.000		
	Nguyễn Ngọc Chiêu Anh			750.000		
	Nguyễn Trần Gia Bảo			750.000		
12	Chủ hộ: Phạm Thị Huệ	6	6	750.000	4.500.000	
	Hoàng Thị Ánh			750.000		
	Hoàng Kiều Nhung			750.000		
	Hoàng Thị Yến			750.000		
	Hoàng Kiều My			750.000		
	Hoàng Quỳnh Như			750.000		
13	Chủ hộ: Dương Văn Giàu	2	2	750.000	1.500.000	Tổ 4, KP2, Phường Phú Bình
	Dương Thị Thanh Tú			750.000		
	4. PHƯỜNG XUÂN LẬP	25	22	16.500.000	16.500.000	
1	Chủ hộ: Nguyễn Văn Long	3	2	750.000	1.500.000	
	Nguyễn Thị Thùy Trang			750.000		
2	Chủ hộ: Nguyễn Phi Hồ	4	4	750.000	3.000.000	
	Nguyễn Thị Bê			750.000		
	Nguyễn Duy Thắng			750.000		
	Nguyễn Duy Bình			750.000		
3	Chủ hộ: Nguyễn Thị Sửu	3	3	750.000	2.250.000	
	Trần Thị Mỹ Hạnh			750.000		
	Trần Ngọc Thảo Nhi			750.000		

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	$4 = 2 \times 3$	5
4	Chủ hộ: Nguyễn Thị Mọi	3	2	-	1.500.000	Tổ 15, khu phố Trung Tâm
	Nguyễn Văn Tâm			750.000		
	Nguyễn Thị Thanh Thảo			750.000		
5	Chủ hộ: Đồng Văn Trung	6	6	750.000	4.500.000	Tổ 6, khu phố Trung Tâm
	Nguyễn Thị Hoa			750.000		
	Đồng Thị Thúy Hương			750.000		
	Đồng Văn Tròng			750.000		
	Phạm Quang Hiếu			750.000		
	Phạm Thảo Hiền			750.000		Tổ 5, khu phố Trung Tâm
6	Chủ hộ: Néang Pholly	4	3	750.000	2.250.000	
	Thạch Ngọc Phương An			750.000		
	Thạch Ngọc Kỳ Ân			750.000		Tổ 7, khu phố Phú Mỹ
7	Chủ hộ: Trương Thị Mỹ Chi	2	2	750.000	1.500.000	
	Ng. Huỳnh Ngọc Tuyết Trinh			750.000		
	5. PHƯỜNG XUÂN THANH	3	3	2.250.000	2.250.000	Số 62, đường Phạm Lạc, tổ 29B, Kp2, phường Xuân Thanh,
1	Chủ hộ: Phạm Quang Minh	3	3	750.000	2.250.000	
	Phạm Huỳnh Bảo Nghi			750.000		
	Phạm Huỳnh Minh Hiếu			750.000		
	6. PHƯỜNG XUÂN TRUNG	38	35	26.250.000	26.250.000	Khu phố 4
1	Chủ hộ: Ngô Ngọc Bích	5	4	0	3.000.000	
	Lý Quang			750.000		
	Lý Quyền			750.000		

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	I	2	3	4 = 2 x 3	5
	Lý Diệu Phát			750.000		Khu phố 4
	Lý Diệu Sang			750.000		Khu phố 4
2	Chủ hộ: Nguyễn Quý	7	7	750.000	5.250.000	Khu phố 4
	Lý Thị Kim Liên			750.000		Khu phố 4
	Nguyễn Thành Luân			750.000		Khu phố 4
	Nguyễn Thành Lương			750.000		Khu phố 4
	Nguyễn Thị Kim Chi			750.000		Khu phố 4
	Lê Gia Hân			750.000		Khu phố 4
	Lê Nguyễn Phương Vy			750.000		Khu phố 4
3	Chủ hộ: Nguyễn Thị Thắng	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố 4
	Nguyễn Văn Lành			750.000		Khu phố 4
4	Chủ hộ: Nguyễn Thị Thao	2	1	0	750.000	Khu phố 4
	Đinh Thị Xiển			750.000		Khu phố 4
5	Chủ hộ: Đặng Văn Thảo	3	3	750.000	2.250.000	Khu phố 4
	Đặng Thị Thanh Hà			750.000		Khu phố 4
	Đặng Thảo Thanh vy			750.000		Khu phố 4
6	Chủ hộ: Nguyễn Thị Thạch	5	5	750.000	3.750.000	Khu phố 4
	Nguyễn Minh Thành			750.000		Khu phố 4
	Nguyễn Lý Châu Kha			750.000		Khu phố 4
	Nguyễn Hữu Khang			750.000		Khu phố 4
	Nguyễn Tú Anh			750.000		Khu phố 4
7	Chủ hộ: Nguyễn Ngọc Sang	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố 4

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	$4 = 2 \times 3$	5
	Trần Thị Kim Phụng			750.000		Khu phố 4
8	Chủ hộ: Phan Thị Huế	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố 1
	Phan Mộng Hùng			750.000		Khu phố 1
9	Chủ hộ: Nguyễn Ngọc Cầu	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố 1
	Nguyễn Ngọc Minh Thanh			750.000		Khu phố 1
	Nguyễn Ngọc Minh Thư			750.000		Khu phố 1
	Nguyễn Ngọc Minh Nguyệt			750.000		Khu phố 1
10	Chủ hộ: Nguyễn Văn Hùng	4	3	0	2.250.000	Khu phố 2
	Nguyễn Cửu Thùy Dung			750.000		Khu phố 2
	Nguyễn Thị Kim Ngân			750.000		Khu phố 2
	Nguyễn Thị Kim Tiên			750.000		Khu phố 2
11	Chủ hộ: Lê Thị Hòa	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố 5
	Lê Quốc Bình			750.000		Khu phố 5
	7. PHƯỜNG XUÂN HÒA	68	64	48.000.000	48.000.000	
1	Chủ hộ: Đặng Ngọc Đức	2	2	750.000	1.500.000	Tổ 12 - khu phố 2
	Đặng Thị Tinh			750.000	-	Tổ 12 - khu phố 2
2	Chủ hộ: Võ Tấn Thọ	4	3		2.250.000	Tổ 7 - khu phố 2
	Trần Yến Nhi			750.000	-	Tổ 7 - khu phố 2
	Võ Trần Trí			750.000	-	Tổ 7 - khu phố 2
	Võ Trần Nhật Kha			750.000	-	Tổ 7 - khu phố 2
3	Chủ hộ: Nguyễn Thị Diễm	3	2		1.500.000	Tổ 4 - khu phố 2
	Phùng Thị Trúc Ly			750.000	-	Tổ 4 - khu phố 2